

Bản án số: **84/2025/HC-PT**
Ngày: 22/01/2025
V/v: “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

- Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Ngô Ý Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 297/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 118/2024/HC-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Ngô Văn T**; địa chỉ: **Thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: **Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện pháp luật: Ông **Hoàng Kiên C**, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện K.

Người đại diện ủy quyền của người bị kiện: Ông **Phan Hoàng L**, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện K; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị L1**; địa chỉ: **Thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; Vắng mặt.

3.2. Ông **Ngô Xuân C1**, bà **Trần Thị H**; địa chỉ 1: **Thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; địa chỉ 2: **Số B L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; địa chỉ 3: **Số C P,**

thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ 4: Số B X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3.3. Ông Ngô Công H1; địa chỉ 1: Thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ 2: Số B L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3.4. Ông Ngô Công T1; địa chỉ 1: Thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ 2: Số B L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3.5. Bà Ngô Quỳnh M; địa chỉ 1: Thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ 2: Số B L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3.6. Ngân hàng N1; trụ sở: Số B L, phường T, quận B, Thủ đô H.

Người đại diện ủy quyền: Bà Diệp Thị Phương N, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N1 – Chi nhánh L2, Đắk Lắk; địa chỉ: Số F L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2024); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Ngô Văn T trình bày:

Năm 1986, ông Ngô Văn T được UBND xã P cấp theo diện kinh tế tự do khoảng 5.000m² đất, không có quyết định cấp hay giao đất mà thời điểm đó chỉ làm đơn xin cấp đất thì được chính quyền cấp đất để định canh, định cư. Gia đình ông T quản lý, sử dụng và canh tác trồng cây cà phê trên toàn bộ diện tích đất.

Diện tích đất này được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0434894 ngày 13/11/1995, thửa đất số 66A, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.405m², đất tọa lạc tại xã P (Nay là xã E), huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho hộ ông Ngô Văn T. Lúc này gia đình ông T không phát hiện ra việc mình chỉ được cấp diện tích 2.405m² chứ không phải 5.000m².

Đến năm 2017, khi UBND xã E, huyện K phát thông báo trên loa phóng thanh yêu cầu hộ dân nào bị cấp sai, cấp thiếu diện tích đất thì đến UBND xã E đăng ký kê khai để được điều chỉnh, cấp lại QSDĐ. Khi đến UBND xã E thì ông T mới biết việc hộ ông T chỉ được cấp QSDĐ đối với diện tích 2.405m², diện tích còn lại đã cấp cho hộ ông Ngô Xuân C1 tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.405m². Ông T đã yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh để cấp lại GCNQSDĐ cho gia đình ông theo đúng diện tích đất ông T đang quản lý sử dụng, nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Đến khoảng cuối tháng 12/2023, khi ông T cần làm thủ tục để chia đất cho các con có vốn làm ăn, thì ông T mới biết ông Ngô Xuân C1 đã thế chấp GCNQSDĐ số H 015985 do UBND huyện K cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ngô Xuân C1, thửa đất số 66A, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.405m² cho Ngân hàng N1 – Chi nhánh L2, Đắk Lắk để vay tiền. Lúc này ông T có nghe địa chính xã E nói thửa đất số 66A được cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0434951 và số H 015985 đều do UBND huyện K cấp cùng ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ngô Xuân C1.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0434951 và số H 015985 do UBND huyện K cấp cùng ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ngô Xuân C1, đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.405m², tại xã P (Nay là xã E), huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để cấp lại cho hộ ông T theo đúng quy định.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện K trình bày:

Căn cứ vào tài liệu và hồ sơ được lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K cung cấp cho UBND huyện K, xét thấy: Năm 1995, UBND huyện K cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cùng một thửa đất, cấp lần đầu cho ông Ngô Xuân C1 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015985 tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.405m², do UBND huyện K cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ngô Xuân C1, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0434951 tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.405m², do UBND huyện K cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ngô Xuân C1, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, là cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đúng vị trí đất ông Ngô Xuân C1 đang sử dụng.

Mặt khác, năm 1995, UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số D 0434913 tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.745m², do UBND huyện K cấp ngày 13/11/1995 cho hộ bà Đào Thị H2, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, là không đúng diện tích đất, cấp không đúng vị trí, cấp chồng lên đất ông Ngô Xuân C1 đang quản lý sử dụng.

Như vậy, căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, thì cả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015985 và số D 0434951 tại cùng thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.405m², do UBND huyện K cấp cùng ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ngô Xuân C1, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, thuộc trường hợp phải thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý vì cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, cấp không đúng diện tích đất, cấp không đúng vị trí (cấp chồng lên đất ông Ngô Văn T đang sử dụng). Tuy nhiên, hiện GCNQSDĐ số H 015985 đang được ông C1 thế chấp tại ngân hàng nên UBND huyện không thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý 02 GCNQSDĐ nói trên được. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ việc trên theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà là vợ của ông Ngô Văn T. Bà thống nhất với trình bày của ông T và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân C1, bà Trần Thị H trình bày:

Năm 1986, ông Ngô Xuân C1 được UBND xã P cấp theo diện kinh tế tự do khoảng 5.000m² đất, không có quyết định cấp hay giao đất mà thời điểm đó chỉ

làm đơn xin cấp đất thì được chính quyền cấp đất để định canh, định cư. Gia đình ông C1 quản lý, sử dụng và canh tác trồng cây cà phê trên toàn bộ diện tích đất.

Khoảng năm 1994 - 1995, chính quyền địa phương thực hiện cấp GCNQSDĐ tập trung cho người dân trên địa bàn huyện K. Ngày 13/11/1995 Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015985 cho hộ ông Ngô Xuân C1, đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.405m², đất tọa lạc tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk).

Bà H chỉ nhớ khoảng năm 1996, thôn phó là ông Nguyễn Văn T2 (Hiện đã chết) đến nhà đưa cho gia đình ông C1, bà H bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015985 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ngô Xuân C1, đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.405m². Khoảng mấy tháng sau, bà H đến nhà thôn trưởng là ông Huỳnh Trần C2 (Hiện đã chết) thì ông C2 đưa cho bà H thêm 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0434951 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ngô Xuân C1, đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.405m², đất tọa lạc tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk).

Lúc đó ông C1, bà H không phát hiện ra việc 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0434951 và số H 015985 này đều cấp cho cùng 01 thửa đất số 66, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.405m². Vì vậy, ông C1, bà H đã dùng GCNQSDĐ số H 015985 nói trên thế chấp vay của Ngân hàng N1 – Chi nhánh L2, Đắk Lắk cho đến nay, hiện nợ đã quá hạn nhưng ông C1, bà H3 chưa trả được nợ cho Ngân hàng. Còn GCNQSDĐ số D 0434951 bà H mang đi cầm cố vay của 01 người tên H4 ở Buôn H. Hiện nay bà H4 đã bỏ vào Tp . sinh sống nên bà H không biết địa chỉ hiện nay của bà H4, không biết họ tên và số điện thoại liên lạc của bà H4. Giấy vay tiền và cầm cố GCNQSDĐ số D 0434951 do bà H4 là người giữ giấy, nên hiện ông C1, bà H không có thông tin gì để cung cấp cho Tòa án. Bản gốc GCNQSDĐ số D 0434951 hiện do bà H4 giữ.

Do hiện nay ông C1, bà H đang làm thuê trên Tp ., khoảng 10 ngày/lần bà H, ông C1 sẽ về diện tích đất của vợ chồng bà để chăm sóc rẫy cà phê. Diện tích đất này của ông C1, bà H bị UBND huyện K cấp nhầm cho bà Đào Thị H2 và ông Trương Công D từ năm 1995, thửa số 64, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.745m². Sau khi chính quyền địa phương đo đạc lại theo bản đồ số hóa thì diện tích đất thực tế của hộ ông C1, bà H đang quản lý, sử dụng giảm còn 4.240m² (Việc đo đạc lại này có sự chứng kiến của ông C1). Còn đất của bà Đào Thị H2 và ông Trương Công D nằm ở phía Đông đất của ông C1, bà H và ông T, bà L1. Bà Đào Thị H2 và ông Trương Công D đều đã chết.

Nay ông Ngô Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0434951 và số H 015985 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cùng ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ngô Xuân C1, đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.405m², tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để cấp lại cho

hộ ông T theo đúng quy định thì ông C1, bà H đồng ý và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Công H1, ông Ngô Công T1, bà Ngô Quỳnh M (Là con của ông C1, bà H): Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông H1, ông T1 và bà M vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và thu thập chứng cứ được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N1 có đại diện ủy quyền là bà Diệp Thị Phương N trình bày:

Việc thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay của ông Ngô Xuân C1, bà Trần Thị H tại Hợp đồng tín dụng số: LAV-201100236 ngày 16/02/2011 là tài sản tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.405m² do UBND huyện K cấp ngày 13/11/1995 theo hợp đồng thế chấp số: 0129/08HDTTC ngày 20/01/2009 giữa Ngân hàng N2 chi nhánh K (Nay là Chi nhánh L2, Đắc Lắc) với ông Ngô Xuân C1, bà Trần Thị H là hoàn toàn ngay tình, hợp pháp, có sự chứng thực và đăng ký biện pháp bảo đảm của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là UBND xã E, huyện K và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K.

Tài sản bảo đảm là có thực, đang tồn tại, thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của ông Ngô Xuân C1 và bà Trần Thị H, được phép giao dịch theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp, không bị kê biên, không bị phong tỏa để bảo đảm thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước, chưa được dùng để bảo đảm cho bất kỳ bên nào ngoại trừ thế chấp cho A. Hợp đồng thế chấp số: 0129/08HDTTC ký kết ngày 20/01/2009 chỉ chấm dứt khi các bên đã thực hiện xóa đăng ký biện pháp bảo đảm và ông Ngô Xuân C1, bà Trần Thị H hoàn thành nghĩa vụ được bảo đảm và được đăng ký theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng đã thực hiện đúng quy trình, nghiệp vụ, thủ tục, hồ sơ đầy đủ, được công chứng và thế chấp theo đúng quy định pháp luật. Tòa án cần xác định rõ trách nhiệm của UBND xã E và Chi nhánh VPĐKKĐ huyện K khi đã không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao trong việc kiểm tra tính pháp lý của thửa đất nói trên. Ngân hàng không đồng ý với khởi kiện của ông Ngô Văn T về yêu cầu hủy GCNQSDĐ số H 015985 do UBND huyện K cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ngô Xuân C1 hiện đang thế chấp tại ngân hàng. Ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện độc lập gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng.

Bản án hành chính sơ thẩm số 118/2024/HC-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0434951 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015985 do UBND huyện K cấp cùng ngày 13/11/1995 cho hộ ông Ngô Xuân C1, đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.405m², tại xã E, huyện K, tỉnh Đắc Lắc.

Hộ ông **Ngô Văn T**, bà **Nguyễn Thị L1** và hộ ông **Ngô Xuân C1**, bà **Trần Thị H** có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/8/2024, **Ngân hàng N1** kháng cáo đề nghị giữ nguyên giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015985 do **UBND huyện K** cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông **Ngô Xuân C1**.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và không chấp nhận kháng cáo của **Ngân hàng N1** và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của **Ngân hàng N1**; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Án sơ thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015985 do **UBND huyện K** cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông **Ngô Xuân C1** là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0434951 tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.405m², do **UBND huyện K** cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông **Ngô Xuân C1**, địa chỉ thửa đất tại **xã E, huyện K**, là cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đúng vị trí đất ông **Ngô Xuân C1** đang sử dụng.

[2] **Ngân hàng N1** cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đang được ông **C1**, bà **H** thế chấp để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng tại **Ngân hàng N1 – Chi nhánh L2, Đắc Lắc** nên đề nghị giữ nguyên giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015985 là không đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ: Ông **C1**, bà **H** chỉ thế chấp diện tích đất nói trên cho Ngân hàng chứ không phải là chuyển quyền sử dụng đất nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0129/08HDTC ngày 20/01/2009 đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 04 cho Ngân hàng không phải là giao dịch chuyển giao quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 138 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Ngân hàng không được coi là người thứ ba ngay tình. Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015985 do **UBND huyện K** cấp ngày 13/11/1995 cho hộ ông **Ngô Xuân C1** bị đề hộ ông **T** và hộ ông **C1** được cấp lại QSDĐ theo đúng hiện trạng sử dụng, nên việc Ngân hàng là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Với nhận định trên, Tại cấp phúc thẩm **Ngân hàng N1** không cung cấp chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của **Ngân hàng N1** và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tại Đà Nẵng.

[4] Theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì **Ngân hàng N1** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1, Điều 64 Luật Đất đai 2013; Điều 66 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai; Điều 28, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm a, d khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 38 và khoản 2 Điều 40 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Bác kháng cáo của **Ngân hàng N1** và giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 118/2024/HC-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Ngô Văn T.**

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0434951 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 015985 do UBND huyện K cấp cùng ngày 13/11/1995 cho hộ ông **Ngô Xuân C1**, đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.405m², tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hộ ông **Ngô Văn T**, bà **Nguyễn Thị L1** và hộ ông **Ngô Xuân C1**, bà **Trần Thị H** có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. **Ngân hàng N1** phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hành chính phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014026 ngày 16/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; **Ngân hàng N1** đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường